

ĐỀ XUẤT QUY TRÌNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN PHỔ THÔNG

Phạm Thị Phương Huyền*

Khoa Ngữ văn - Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Văn bản nghị luận là loại văn bản được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng, quan điểm nào đó. Theo dự thảo Chương trình môn Ngữ văn mới, số lượng văn bản nghị luận sẽ gia tăng. Do đó, bài viết này chúng tôi đề xuất quy trình đọc hiểu loại văn bản bản nghị luận nhằm chia sẻ với giáo viên và học sinh cách thức đọc hiểu một văn bản nghị luận. Quy trình gồm ba nội dung cơ bản: Nhận biết các thành phần bề mặt của văn bản; Hiểu nội dung và hình thức thể hiện của văn bản; Liên hệ văn bản với bối cảnh xã hội lịch sử và vận dụng văn bản vào đời sống.

Từ khóa: Văn bản nghị luận, đọc hiểu, nhận biết, liên hệ.

1. Đặt vấn đề

Chương trình môn Ngữ văn mới sẽ được đưa vào thực hiện trong năm học 2021 - 2022. Những thay đổi của nội dung chương trình sẽ tác động nhiều đến quá trình dạy học. Với mục tiêu xây dựng chương trình theo định hướng năng lực, kết cấu của chương trình Ngữ văn mới sẽ không thiết kế theo trục dọc tức là theo tiến trình văn học mà hướng vào việc hình thành và phát triển năng lực đọc, viết, nói, nghe các kiểu loại văn bản cho học sinh. Những kiến thức lịch sử văn học, lí luận văn học, ngôn ngữ học sẽ được tích hợp vào các hoạt động đọc, viết, nói, nghe và phục vụ trực tiếp cho việc rèn luyện những kĩ năng này một cách hiệu quả. Văn bản đưa vào chương trình sẽ được lựa chọn theo mục đích xã hội, bao gồm ba loại: Văn bản văn học; văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Ti lệ giữa ba loại văn bản này sẽ cân đối hơn so với chương trình hiện hành. Vì thế, việc dạy và học theo chương trình Ngữ văn mới sẽ đặt ra yêu cầu cho giáo viên và học sinh là phải nắm thật vững đặc trưng về thể loại của của các kiểu loại văn bản này.

2. Nội dung

2.1. Văn bản nghị luận trong chương trình Ngữ văn

2.1.1. Loại văn bản nghị luận

Nhóm tác giả biên soạn SGK Ngữ văn 7 đã định nghĩa: “Văn nghị luận là văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng, quan điểm nào đó. Muốn thể văn nghị luận phải có luận điểm rõ ràng, lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục” [1, tr.9].

Theo tác giả Hoàng Phê [8, tr.656]: “Văn nghị luận là thể văn dùng lí lẽ phân tích, giải quyết vấn đề”.

Như vậy, có thể hiểu: Văn bản nghị luận là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó trong cuộc sống và trong văn học. Với mục đích như vậy, văn bản nghị luận sẽ có cách lập luận chặt chẽ, có lí lẽ thuyết phục thông qua các thao tác lập luận như: phân tích, chứng minh, giải thích, bình luận, bác bỏ, so sánh - đối chiếu,... và phải đưa ra được các bằng chứng cụ thể, rõ ràng để thuyết phục người đọc, người nghe.

Đặc trưng nội dung của văn bản nghị luận là luận đề, luận điểm, luận cứ và lập luận. Luận đề là vấn đề bao trùm cần được làm sáng tỏ, tác giả đưa ra để bình luận. Luận điểm là những vấn đề chính được triển khai từ luận đề. Đó là tư tưởng, chủ trương, quan điểm, ý kiến của tác giả về vấn đề đặt ra. Luận cứ là những lí lẽ và dẫn chứng dùng để chứng minh cho luận điểm. Lập luận là cách dẫn dắt, nêu luận cứ để hướng đến luận điểm. Việc xây dựng luận điểm, sử dụng lí lẽ và các dẫn chứng, cách lập luận trong văn nghị luận phải chặt chẽ, đảm bảo tính logic, tính chính xác, tính truyền cảm để có sức thuyết phục cao đối với người đọc, người nghe.

Văn bản nghị luận có tính tư tưởng sâu sắc. Nó là sản phẩm của tư duy logic dùng để thuyết phục người đọc nhưng không vì thế mà thiếu đi tính truyền cảm, hàm súc. Chính tính truyền cảm cũng làm nên giá trị và sức thuyết phục của văn bản nghị luận. Điều này được nhìn nhận một cách rõ nét qua văn bản *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh, một “áng thiên cổ hùng văn” đã làm lay động hàng triệu con tim chờ tin độc lập: “*Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập*” [3, tr.41].

Căn cứ vào nội dung nghị luận, văn bản nghị luận được chia làm hai loại: Văn bản nghị luận xã hội và văn bản nghị luận văn chương. Văn bản nghị luận xã hội là loại văn bản đề cập đến các vấn đề thuộc lĩnh vực đời sống xã hội như chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, đạo đức, môi trường, dân số... Văn bản nghị luận văn chương là loại văn bản đề cập đến các vấn đề văn học: một tác phẩm, một tác giả, một trào lưu, một giai đoạn, một quan điểm văn học... Trong chương trình Ngữ văn bậc Trung học cơ sở, học sinh được tiếp nhận cả hai loại văn bản này.

2.1.2. Văn bản nghị luận trong chương trình Ngữ văn từ trước đến nay

Văn bản nghị luận đã có lịch sử lâu đời trong chương trình sách giáo khoa môn Ngữ văn từ trước đến nay. Theo kết quả nghiên cứu của tác giả Lưu Thị Trường Giang [5] và Phạm Thị Huệ [6], chương trình SGK từ năm 1961 đã đưa vào một số văn bản nghị luận như: *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* của Hồ Chí Minh; *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn; *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi và các văn bản của tác giả Phạm Văn Đồng, Đặng Thai Mai, Hoài Thanh... Chương trình Ngữ văn áp dụng từ năm học 1971 - 1972, văn nghị luận vẫn giữ một vị trí khá quan trọng trong tổng thời lượng của chương trình. Trong đó, số lượng văn bản nghị luận trong chương trình lớp 7 chiếm tỉ lệ cao nhất khoảng 21% (13/62/tiết giảng văn). Tuy nhiên, chương trình chỉnh lí năm 2000 lại giảm tải số lượng văn bản nghị luận. Học

sinh lớp 9 mới bắt đầu làm quen với văn nghị luận qua hai tác phẩm *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn và *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi.

Chương trình hiện hành (từ năm 2000 đến nay), văn bản nghị luận đã được gia tăng đáng kể, chiếm thời lượng khoảng 12% tổng thời lượng của toàn chương trình. Bậc Trung học cơ sở có 14 văn bản, bậc Trung học phổ thông có 13 văn bản được đưa vào giảng dạy.

Bảng thống kê số lượng văn bản nghị luận trong chương trình Ngữ văn hiện hành

Lớp	6	7	8	9	10	11	12
Tỉ lệ VBNL trên tổng VB được học	0/31	4/28	6/29	4/39	4/37	5/42	4/32
Tỉ lệ %	0	14	21	10	11	12	16

Như vậy, học sinh lớp 7 mới bắt đầu được tiếp xúc với văn bản nghị luận. Bốn văn bản được giới thiệu đến học sinh đều là những áng văn nghị luận mẫu mực: *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* - Hồ Chí Minh; *Sự giàu đẹp của Tiếng Việt* - Đặng Thai Mai; *Ý nghĩa văn chương* - Hoài Thanh. Chương trình Ngữ văn lớp 8, thời lượng dành cho loại văn bản nghị luận chiếm tỉ lệ cao nhất trong bậc Trung học cơ sở. Các văn bản *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn và *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi đã được giới thiệu đến học sinh thay vì lên lớp 9 học sinh mới được tiếp nhận các văn bản này ở chương trình trước đó. Chương trình lớp 9 tập trung giới thiệu một số văn bản nghị luận với chủ đề có tính chất thời sự như: *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*; *Tuyên bố thế giới về quyền trẻ em*...

Ở bậc Trung học phổ thông, tỉ lệ văn bản nghị luận được giới thiệu trong chương trình Ngữ văn lớp 12 chiếm tỉ lệ cao nhất. Số lượng các văn bản nghị luận trung đại đã giảm thay vào đó là văn bản nghị luận hiện đại của Việt Nam và nước ngoài như: *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* - Phạm Văn Đồng; *Đô-xtoi-ép-xki* của Xvai-gơ; *Ba công hiến vĩ đại của Các Mác* (Ăng-ghen)...

Có thể nói, số lượng văn bản nghị luận được đưa vào nhà trường phổ thông và cách phân bổ như trên đã cho thấy được vị trí quan trọng của loại văn bản này trong chương trình Ngữ văn. Với thời lượng đó, học sinh hoàn toàn có đủ điều kiện để tìm hiểu và nắm vững đặc trưng của loại văn bản này. Tuy nhiên, để học sinh có tâm thế hào hứng trong quá trình tiếp nhận loại hình văn bản này, bên cạnh vai trò dẫn dắt, định hướng của giáo viên trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học thì trước hết mỗi học sinh cần phải nắm chắc những yêu cầu đọc hiểu một văn bản nghị luận.

2.2. Yêu cầu đọc hiểu các kiểu loại văn bản

Bản chất của đọc hiểu văn bản là hoạt động truy tìm và giải mã ý nghĩa của văn bản. Ý nghĩa ấy hình thành và sáng tỏ dần nhờ sự soi chiếu tổng hợp khái quát từ ý nghĩa tồn tại trong hình thức nghệ thuật của tác phẩm, từ ý đồ sáng tạo, quan niệm nghệ thuật của nhà văn và ý nghĩa phải sinh thông qua quá trình tiếp nhận của người đọc. Đọc văn là hành trình đi tìm

nghĩa tiềm ẩn của văn bản để rồi từ đó hiểu thêm về thế giới, về cuộc đời và cao hơn là biết vận dụng những gì đã thu được từ văn bản vào cuộc sống, làm cho cuộc sống đẹp hơn.

Đọc hiểu bất cứ một văn bản nào, người đọc cũng phải thực hiện những yêu cầu cơ bản. Các hành vi và thao tác đọc theo quy trình tiếp nối hay đan xen, lồng ghép các nội dung sẽ tùy thuộc vào năng lực đọc của từng người.

Trong Dự thảo Khung nội dung dạy học cốt lõi môn Ngữ văn (sau 2015), các yêu cầu cần đạt về đọc hiểu được nhóm nghiên cứu Bùi Mạnh Hùng, Đỗ Ngọc Thống, Nguyễn Minh Thuyết cụ thể hóa như sau:

- *Hiểu các chi tiết, đề tài và chủ đề*: Học sinh phải nắm được các chi tiết thuộc nội dung của văn bản, xoay quanh những câu hỏi như: cái gì xảy ra, với ai, khi nào, ở đâu, vì sao? Từ đó, người học nhận biết, giải thích, phân tích, đánh giá được đề tài của văn bản.

- *Hiểu quan hệ liên nhân*: Học sinh phải nhận biết, giải thích, phân tích, so sánh, đánh giá quan hệ giữa tác giả và người tiếp nhận, quan hệ giữa các nhân vật, giữa những người tham gia giao tiếp trong văn bản (xét từ phương diện xã hội như vị thế, nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính...), quan hệ giữa tác giả và nhân vật. Ngoài ra, ngôi kể trong văn bản cũng là một phần của quan hệ liên nhân. Quan hệ liên nhân thường được thể hiện qua: vai (người nói và người nghe, người đóng vai trò chi phối) và mục đích giao tiếp (cung cấp thông tin, hỏi, yêu cầu, biểu lộ thái độ và tình cảm, thiết lập và duy trì các quan hệ); thái độ, tình cảm, quan điểm; sự đánh giá hành vi con người (xét về phương diện xã hội, đạo đức, pháp lí), đặc điểm (chất lượng, giá trị thẩm mỹ) của sự vật và hiện tượng. Mức độ của thái độ, tình cảm, sự đánh giá được thể hiện cũng là một phần của quan hệ liên nhân...

- *Đánh giá được phương thức thể hiện*: Đối với văn bản văn học, học sinh phải đánh giá được nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, gồm: nét đặc sắc trong cách dùng từ ngữ, viết câu, vận dụng các biện pháp tu từ, tổ chức diễn ngôn; các yếu tố thuộc ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; ngôn ngữ kể chuyện, ngôn ngữ đối thoại; ngôn ngữ tự nhiên và các phương tiện giao tiếp đa phương thức. Đặc trưng thể loại, gồm: Nhận biết, miêu tả, phân tích, so sánh, đánh giá các yếu tố văn học như bối cảnh, cốt truyện, xung đột truyện, nhân vật, tình tiết, vần, nhịp, dòng thơ, khổ thơ, màn kịch,... trong các văn bản thuộc các thể loại cơ bản trong nhà trường như truyện, thơ, kịch, kí... Phân tích, đánh giá sự phù hợp của thể loại được lựa chọn đối với mục đích và đối tượng tiếp nhận của văn bản...

Mỗi loại văn bản đều có đặc trưng riêng, do đó quá trình đọc hiểu văn bản cần phải luôn bám sát đặc trưng của từng kiểu loại văn bản.

2.3. Đề xuất quy trình đọc hiểu văn bản nghị luận

2.3.1. Nhận biết các thành phần bề mặt của văn bản

Thành phần bề mặt (còn gọi là thành phần bề nổi của văn bản) là thành phần nội dung và hình thức được hiển thị ngay trong cấp độ ngôn từ của văn bản mà người đọc dễ dàng nhận ra. Đối với văn bản nghị luận, thành phần bề mặt đó là: phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt, luận đề, luận điểm, luận chứng, các biện pháp tu từ...

a. Nhận biết phương thức biểu đạt

Đặc trưng của văn bản nghị luận là trình bày quan điểm và thuyết phục người đọc về một vấn đề nào đó. Vì vậy, phương thức biểu đạt chính của loại văn bản nghị luận thường là phương thức nghị luận. Tuy nhiên, bên cạnh phương thức biểu đạt nghị luận, văn bản nghị luận còn kết hợp nhiều phương thức biểu đạt khác để giúp tác giả thực hiện hiệu quả mục đích thuyết phục như: tự sự, miêu tả, biểu cảm...

Chẳng hạn, trong văn bản *Đức tính giản dị của Bác Hồ*, tác giả Phạm Văn Đồng đã sử dụng phương thức biểu đạt nghị luận kết hợp với tự sự và biểu cảm. Tác giả đã đưa ra những lời bình luận, giải thích sâu sắc để người đọc hiểu rõ thêm về đức tính giản dị của Bác Hồ trong đời sống sinh hoạt: “*Nhưng chớ hiểu lầm rằng Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật. Bác Hồ sống đời sống giản dị, thanh bạch như vậy, bởi vì Người sống sôi nổi, phong phú đời sống và cuộc đấu tranh gian khổ và ác liệt của quần chúng nhân dân. Đời sống vật chất giản dị càng hoà hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất. Đó là đời sống thực sự văn minh mà Bác Hồ nêu gương sáng trong thế giới ngày nay*” [1, tr.53].

b. Nhận biết luận đề

Luận đề là vấn đề bao trùm của văn bản mà tác giả đưa ra để bình luận. Luận đề của văn bản có khi được hiển thị ở ngay nhan đề của văn bản. Có khi luận đề được thể hiện ở câu văn mở đầu hoặc câu văn kết thúc văn bản. Để xác định luận đề, người đọc cần trả lời câu hỏi: *Văn bản này viết về vấn đề gì? Phạm vi hiện thực nào đã được nhà văn đề cập trực tiếp trong văn bản này.*

Người đọc cần đọc kĩ văn bản bắt đầu từ phần nhan đề. Ngoài ra cần chú ý tới các từ chìa khoá của văn bản (những từ ngữ được lặp đi lặp lại nhiều lần). Chẳng hạn, các văn bản *Đức tính giản dị của Bác Hồ* - Phạm Văn Đồng; *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* - Hồ Chí Minh; *Ý nghĩa văn chương* - Hoài Thanh; *Sự giàu đẹp của Tiếng Việt* - Đặng Thai Mai (lớp 7); *Tuyên ngôn độc lập* - Hồ Chí Minh; *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* - Phạm Văn Đồng (lớp 12),... luận đề đã nằm ngay tại nhan đề của văn bản. Trong văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* - Hồ Chí Minh, luận đề cũng nằm ở câu văn mở đầu: “*Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước, đó là một truyền thống quý báu của dân tộc ta*” (lớp 7). Câu văn kết thúc văn bản *Ba cống hiến vĩ đại của Các Mác* (Ăng-ghen) đã khái quát rõ luận đề của văn bản này: “*Tên tuổi và sự nghiệp của ông đời đời sống mãi*” (lớp 11).

c. Nhận biết luận điểm

Luận điểm được coi là xương sống của một bài văn nghị luận, luận điểm thể hiện rõ quan điểm, chủ trương, tư tưởng của tác giả với vấn đề cần bàn luận. Luận điểm của bài văn nghị luận thường được thể hiện dưới những phán đoán có tính chất khẳng định hoặc phủ định. “*Trong một bài văn nghị luận, luận điểm là một hệ thống: Có luận điểm chính (dùng làm kết luận của bài, làm cái đích của bài viết) và luận điểm phụ (dùng làm luận điểm xuất phát hay luận điểm mở rộng)*” [2, tr.75].

Trong văn bản *Hiền tài là nguyên khí quốc gia* của Thân Nhân Trung, luận điểm chính của văn bản là: Người hiền tài có vai trò rất quan trọng đối với vận mệnh của đất nước nên cần phải được trọng đãi. Luận điểm chính này lại được triển khai qua ba luận điểm phụ đó là: Người hiền tài là khí chất ban đầu làm nên sự sống còn của một đất nước; người hiền cần phải được trọng đãi; việc khắc bia đá ghi tên tiên sĩ là một việc làm có ý nghĩa quan trọng, thể hiện sự trọng đãi đối với người hiền tài.

Khi đọc hiểu một văn bản nghị luận, cần dựa vào dấu hiệu nội dung và dấu hiệu hình thức để xác định luận điểm. Ở phương diện nội dung, luận điểm phải thể hiện rõ quan điểm, thái độ của tác giả về một vấn đề cụ thể. Ở phương diện hình thức, luận điểm của văn bản luôn thể hiện dưới dạng một mệnh đề, thông thường tập trung vào câu mở đoạn hoặc kết đoạn. Chẳng hạn, trong văn bản *Đức tính giản dị của Bác Hồ*, luận điểm nằm ngay ở câu văn mở đầu của đoạn văn: “... sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn của Hồ Chí Minh” [1, tr.52].

d. Nhận biết luận cứ

Luận cứ là những cơ sở để triển khai luận điểm, bao gồm lí lẽ và dẫn chứng. Lí lẽ là những nhận xét đánh giá, ý kiến, suy luận chủ quan của người viết. Luận chứng là những số liệu, bằng chứng người thật việc thật. Trong văn nghị luận, luận chứng thường được tác giả sử dụng qua hai nguồn: từ thực tế đời sống và từ báo chí, sách vở. Chẳng hạn, để làm sáng rõ sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị và đời sống bình thường của Bác Hồ, tác giả Phạm Văn Đồng đã đưa ra những dẫn chứng cụ thể về sự giản dị của Bác ở ba phương diện cơ bản: Giản dị trong cuộc sống sinh hoạt đời thường; giản dị trong quan hệ với mọi người; giản dị trong cách nói và viết: “*Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn, lúc ăn Bác không để rơi vãi một hạt cơm, ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và thức ăn còn lại thì được sắp xếp tươm tất... Cái nhà sàn của Bác vền vện chỉ có vài ba phòng,... luôn lộng gió và ánh sáng... Bác suốt đời làm việc, suốt ngày làm việc, từ việc rất lớn... đến việc rất nhỏ... việc gì Bác tự làm được thì không cần người giúp*” [1, tr.53].

e. Nhận biết các thao tác lập luận

Văn nghị luận luôn thể hiện chính kiến, thái độ, sự đánh giá của tác giả về một vấn đề cụ thể với mục đích thuyết phục người đọc người nghe vì vậy văn nghị luận sử dụng khá nhiều thao tác lập luận như: giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, bình luận, bác bỏ. Do vậy, khi đọc hiểu văn bản nghị luận, người đọc cần nhận biết các thao tác lập luận đã được tác giả sử dụng trong văn bản đó. Chẳng hạn, trong văn bản *Đức tính giản dị của Bác Hồ*, tác giả Phạm Văn Đồng đã sử dụng bốn thao tác lập luận chính. Trước hết, tác giả giải thích về đức tính giản dị của Bác Hồ là bởi Bác Hồ sống phong phú đời sống tinh thần và cuộc đấu tranh sôi nổi của quần chúng. Tiếp đến, tác giả đã chứng minh về sự giản dị của Bác Hồ qua từng bữa cơm, qua ngôi nhà, qua mối quan hệ với bạn bè, qua lời nói, bài viết... Từ đó, tác giả bình luận: Sự giản dị về vật chất càng làm bật sự phong phú về đời sống tinh thần, trong tâm hồn, tình cảm của Bác. Đó thực sự một đời sống văn minh mà Bác Hồ nêu gương sáng.

Như vậy, trong quy trình đọc hiểu văn bản, chỉ khi nào người đọc nắm được các thành phần bề mặt của văn bản thì mới có thể hiểu, giải thích, phân tích và phản hồi, đánh giá về văn bản đó.

2.3.2. *Hiểu nội dung và hình thức của văn bản*

Sau khi đã nhận diện được đầy đủ các thành phần bề mặt của văn bản, người đọc cần hướng tới việc phân tích để hiểu được thấu đáo nội dung và hình thức thể hiện của văn bản đó. Ở phương diện nội dung, cần phải hiểu được ý nghĩa nhan đề văn bản, chủ đề, tư tưởng, quan điểm, thái độ của tác giả đối với vấn đề nghị luận. Ở phương diện hình thức, cần phải hiểu được vì sao tác giả lại sử dụng các thao tác lập luận này, các hình ảnh, chi tiết mà tác giả đã sử dụng để chứng minh cho luận điểm có ý nghĩa và vai trò gì? Nghệ thuật lập luận của văn bản độc đáo ra sao? Cách dùng từ, đặt câu có gì mới?... Chẳng hạn khi đọc hiểu văn bản *Chiếu cầu hiền* của Ngô Thì Nhậm, người đọc cần phải suy ngẫm để hiểu rõ giá trị của thao tác lập luận so sánh mà tác giả đã sử dụng trong văn bản. Ngay ở những dòng đầu, tác giả đã sử dụng phép lập luận so sánh: người hiền - ngôi sao sáng; sao sáng ắt châu về ngôi Bắc Thần (ngôi vua). Tác giả ví người hiền tài như sao sáng trên trời để ngợi ca và chỉ rõ thiên chức của người hiền tài theo quy luật của tự nhiên - tinh tú phải châu về sao Bắc Thần. Điều này vừa đánh trúng vào tâm lí của các sĩ phu Bắc Hà, vừa cho thấy Quang Trung là người biết lễ nghĩa, biết trọng dụng người hiền tài vừa tạo tiền đề để đi đến thuyết phục các nho sĩ Bắc Hà đem tài trí ra dốc lòng dựng xây đất nước.

2.3.3. *Liên hệ văn bản với bối cảnh xã hội lịch sử và vận dụng văn bản vào đời sống*

Kết thúc quá trình đọc hiểu một văn bản nghị luận, người đọc cần phân tích, liên hệ nội dung của văn bản với bối cảnh lịch sử, xã hội mà văn bản ra đời để đánh giá được tính khách quan của văn bản. Liên hệ với các tác giả, văn bản có mối quan hệ với đề tài, chủ đề để thấy được những đặc sắc của văn bản đó. Đặc biệt, cần phải phân tích, so sánh, đánh giá quan hệ giữa nội dung của văn bản và trải nghiệm của người đọc, những bài học rút ra từ việc đọc văn bản; đánh giá, phê bình văn bản dựa trên trải nghiệm và tri thức đã có (tri thức nền) của người đọc...

Văn nghị luận là thể loại thiên về lí lẽ, thuyết phục nên phong cách của mỗi nhà văn được biểu hiện rất đậm nét vì vậy người đọc cần đặt ra vấn đề sẽ vận dụng được điều gì vào thực tiễn cuộc sống của chính bản thân mình. Chẳng hạn, học xong văn bản *Đức tính giản dị của Bác Hồ* người đọc sẽ vận dụng được điều gì từ tính cách giản dị của Bác? Hoặc sẽ có cách ứng xử với người hiền tài như thế nào? Sẽ làm gì cho xã hội nếu có điều kiện...

3. **Kết luận**

Đọc hiểu văn là hành trình đi tìm nghĩa hàm ẩn của văn bản để rồi từ đó hiểu thêm về thế giới, về cuộc đời và cao hơn là biết vận dụng những gì đã thu được vào cuộc sống, làm cho cuộc sống đẹp hơn. Đối với văn bản nghị luận, loại văn bản có đặc trưng riêng, khi đọc hiểu loại văn bản này bên cạnh việc thực hiện tốt quy trình đọc hiểu văn một bản nói chung, người đọc cần bám sát đặc trưng loại thể của nó để có được chiếc chìa khóa thành công.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ GD&ĐT (2010), *Ngữ văn 7 tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Bộ GD&ĐT (2010), *Ngữ văn 8 tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Bộ GD & ĐT (2010), *Ngữ văn 12 tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Bộ GD&ĐT (2015), *Dự thảo chương trình GDPT môn Ngữ văn*.
- [5] Lưu Thị Trường Giang, *Dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận ở trường Trung học phổ thông*, LATSGD, Viện khoa học giáo dục Việt Nam.
- [6] Phạm Thị Huệ, *Mô hình câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận trong Chương trình Ngữ văn trung học*, LATSGD, Viện khoa học giáo dục Việt Nam.
- [7] Nguyễn Thị Hồng Vân (2013), “Phát triển chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn theo hướng tiếp cận năng lực” in trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [8] Hoàng Phê (1998) *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội - Trung tâm từ điển học Hà Nội, Việt Nam.
- [9] Đỗ Ngọc Thống (2015), *Chương trình GDPT tổng thể mới và vấn đề đào tạo bồi dưỡng giáo viên*, Tài liệu Hội thảo Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và GVPT của cơ sở đào tạo giáo viên.

THE PROCEDURE OF READING COMPREHENSION FOR THE WRITTEN DISCOURSES IN HIGH SCHOOL LITERATURE PROGRAM

Pham Thi Phuong Huyen
Tay Bac University

Abstract: *Writings are written to establish the reader, the listener of a certain opinion. According to the draft of new literature program, the number of written discourses will increase. The article shares with teachers and students the procedure of reading comprehension a written discourse. The process consists of three basic contents: identifying the surface components of the writing; understanding the content and form of expression of the text; connecting the text with historical social context and manipulating the text in life.*

Keywords: *Written discourse, comprehension reading, know, connect.*